

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO

Lịch thi và danh sách phòng thi Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu, đợt thi ngày 06 tháng 9 năm 2020

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ nhật 06/9/2020	Sáng	- Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng Lab 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút - Nghe: 30 phút	7h00'
			02	Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
			03	Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
	Chiều	Nói	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	10h00'
			02	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút	13h00'
			03	Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian hội thoại: 8-10 phút	15h00'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Chủ nhật ngày 06/9/2020		CHỦ TRÌ
		Sáng	Chiều	
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	7:30 - 7:45	13:00 - 13:05	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/nội qui phòng thi.	7:45 - 7:50		Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:50 - 8:00	13:05 - 13:10	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	8:00 - 8:05	13:10 - 13:15	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	8:05 - 8:15	13:15 - 13:20	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	8:15 (Đọc và Viết) 9:25 (Nghe) 10:15 (Nói - Phòng 01)	13:30 (Nói - Phòng 02) 15:30 (Nói - Phòng 03)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	9:55	Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Mai Thị Huyền**

Thí sinh dự thi tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu
Phòng thi: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên
1	TA01	Lê Thị Tú Anh	04/09/1997	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0265
2	TA02	Lê Xuân Tú Anh	20/07/1999	Thanh Hóa	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0459
3	TA03	Nguyễn Tuấn Anh	15/04/1998	Hung Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0450
4	TA04	Nông Tuấn Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0131
5	TA05	Hoàng Thị Minh Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0359
6	TA06	Trần Thị Bích	16/05/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0522
7	TA07	Nguyễn Đình Cường	28/02/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0360
8	TA08	Nguyễn Văn Cương	22/07/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0524
9	TA09	Đình Văn Diện	23/10/1997	Nam Định	Nam	D-THUY5A	15DTY0278
10	TA10	Ngô Hoàng Dương	16/12/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0228
11	TA11	Ong Xuân Đức	02/10/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0361
12	TA12	Đình Thu Hà	15/10/1999	Ninh Bình	Nữ	D-THUY7A	17DTY0529
13	TA13	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0362
14	TA14	Thân Thị Thúy Hà	27/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0585
15	TA15	Nguyễn Văn Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0155
16	TA16	Nguyễn Thị Hân	01/10/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0285
17	TA17	Lưu Văn Hòa	15/10/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0106
18	TA18	Dương Ngô Hoàng	14/07/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0288
19	TA19	Hà Huy Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0240
20	TA20	Vũ Mạnh Hùng	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0290

Danh sách gồm 20 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH

Thí sinh dự thi tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu
Phòng thi: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên
1	TA21	Dương Thị Thanh Huyền	06/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0372
2	TA22	Nguyễn Thanh Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0156
3	TA23	Trần Thị Hương	12/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLDD7A	17DQLDD0461
4	TA24	Hoàng Thành Lâm	15/12/2001	Lạng Sơn	Nam	D-THUY 9A	19TY0659
5	TA25	Đỗ Thùy Linh	19/04/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0377
6	TA26	Trần Thị Ái Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0380
7	TA27	Nguyễn Tuấn Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	D-KETOAN7A	17DKT0380
8	TA28	Phan Thị Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0159
9	TA29	Vũ Kim Ngân	23/03/1998	Hòa Bình	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0026
10	TA30	Đỗ Bích Ngọc	02/08/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0167
11	TA31	Giáp Thị Minh Ngọc	21/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DKT0547
12	TA32	Trần Phi	10/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0464
13	TA33	Trần Thu Phương	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0365
14	TA34	Nguyễn Văn Quý	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0365
15	TA35	Lê Thị Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0383
16	TA36	Trần Thị Quỳnh	16/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161
17	TA37	Hà Anh Sơn	11/12/2000	Hà Nội	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0162
18	TA38	Nguyễn Hồng Sơn	22/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0366
19	TA39	Nguyễn Văn Tâm	15/12/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0601
20	TA40	Nguyễn Hoàng Phương Thanh	14/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0384

Danh sách gồm 20 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH

Thí sinh dự thi tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu
Phòng thi: 03

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên
1	TA41	Trần Quang Thành	21/10/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY 9A	19DTY0603
2	TA42	Đào Thị Thanh Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161
3	TA43	Nguyễn Thị Thảo	15/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0385
4	TA44	Trương Tuấn Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0367
5	TA45	Nguyễn Xuân Thắm	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498
6	TA46	Nguyễn Toàn Thắng	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0353
7	TA47	Phạm Tiến Thắng	31/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	16DTY0435
8	TA48	Nguyễn Thị Thu	28/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-THUY 9A	19DTY0604
9	TA49	Nguyễn Văn Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0050
10	TA50	Nông Kim Thùy	28/08/2000	Tuyên Quang	Nữ	D-QLTN8A	18DQLTN0375
11	TA51	Nguyễn Thị Tinh	28/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-CHANNUOI5A	15DCN0103
12	TA52	Nguyễn Văn Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0455
13	TA53	Lương Huyền Trang	16/10/1996	Yên Bái	Nữ	D-THUY4B	14DTY0260
14	TA54	Vũ Thị Minh Trang	19/11/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0172
15	TA55	Nguyễn Văn Tuấn	10/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0053
16	TA56	Hoàng Văn Tùng	14/07/1999	Hà Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0115
17	TA57	Nguyễn Văn Tuyền	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0138
18	TA58	Thân Văn Vinh	15/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0468
19	TA59	Nguyễn Linh Vương	02/05/1994	Lạng Sơn	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0458
20	TA60	Trần Đình Vy	08/08/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0054
21	TA61	Bùi Thị Như Ý	15/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0393

Danh sách gồm 21 thí sinh./.